

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Cung cấp bổ sung lần 1 hóa chất sinh phẩm, vật tư tiêu hao phụ vụ cho hoạt động xét nghiệm từ các mẫu bệnh phẩm bằng nguồn kinh phí kinh doanh dịch vụ

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đang có kế hoạch về việc mua hóa chất sinh phẩm, vật tư tiêu hao bổ sung lần 1 cho hoạt động xét nghiệm từ các mẫu bệnh phẩm bằng nguồn kinh phí kinh doanh dịch vụ;

Để có cơ sở xây dựng kế hoạch dự toán mua sắm, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh mời các đơn vị quan tâm tham gia báo giá nội dung như sau (Chi tiết xem phụ lục 1 đính kèm)

- Hồ sơ báo giá gồm:
- + Báo giá theo mẫu phụ lục 2 kèm theo;
- + Tài liệu liên quan: bao gồm hồ sơ kỹ thuật, các hồ sơ pháp lý của sản phẩm (nếu có);
- Thời gian nhận báo giá: trước ngày 21/03/2023.
- Yêu cầu hiệu lực báo giá: Báo giá yêu cầu có hiệu lực trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát hành báo giá
- Hình thức gửi:
- + Bản chính Hồ sơ báo giá được gửi về Bộ phận văn thư – Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM.
- + File mềm được gửi đến địa chỉ email: ptquynhpas@gmail.com
- + Mọi chi tiết xin liên hệ: Bà Phan Thu Quỳnh – Phòng Kế hoạch tổng hợp, số điện thoại 0989.597.584.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Trưởng phòng KHTH (để b/c);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHTH.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHTH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHTH**



Phụ lục 2

BIỂU MẪU BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 745/PAS-KHTH ngày 10/03/2023 của Viện Pasteur

Thành phố Hồ Chí Minh)

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Mã QLHH (Theo công văn yêu cầu báo giá của Viện)	Tên thương mại của hàng hóa nhà thầu chào	Mã hàng	ĐVT	Hãng sản xuất/Nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Thông số kỹ thuật	Phân nhóm	Hạn dùng (nếu có)	Số lượng	Đơn giá (VNĐ, có VAT)	Thành tiền

Ghi chú:

- Hàng mới 100%; [đối với tài sản hàng hóa]
- Thời gian thực hiện: [Ghi rõ thời gian cung ứng, thực hiện]
- Hiệu lực báo giá: [Ghi rõ hiệu lực báo giá]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ

[ghi tên, ký tên và đóng dấu]

**Phụ lục 1
DANH MỤC HÀNG HÓA**

(Kèm theo Công văn số 745/PAS-KHHT ngày 10/03/2023 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
I	SHHHMD								
1	MHH1650	VTTH	Đầu côn có lọc 1250 ul	Nhóm 4			Có lọc, nuclease free, chống bám dính tốt, phù hợp bộ pipet đang sử dụng tại PXN HIV/Viêm gan: Eppendorf, Gilson, Biohit	Cái	72,000
2	MHH1664	VTTH	Tube lưu mẫu 2 ml	Nhóm 4			Ống Cryo tiết trùng tự đứng 2ml có nhãn viết; - Bảo quản mẫu trong nitơ lỏng; Chất liệu polypropylene; - Độ bền cao và rõ ràng; - Ống phù hợp với hầu hết các rotor; - Hấp khử trùng ở 121oC và trữ đông ở -190oC; - Nắp vận ngoài: ren vận ngoài của thân ống vừa khớp với ren vận trong của nắp ở dạng xoắn và được khử trùng bằng chiếu xạ tia gamma - Đóng gói trong túi zip-lock có thể mở đóng lại được - Có đệm silicon hoặc tương đương	Cái	75,000
3	MHH427	VTTH	Tube lấy máu EDTA 6ml	Nhóm 4			Thể tích 6 ml, chống đông bằng EDTA	Cái	70,000
4	MHH1709	VTTH	Bơm kim tiêm 10 ml	Nhóm 5			- Dung tích bơm tiêm 10cc, kim 23Gx1" - Chất liệu dẻo không ri có đủ độ cứng cơ khí và và không bị oxy hóa. - Khử trùng bằng khí E.O nên không độc, không gây sốt. - Không bị gãy, không bị cùn trong điều kiện bình thường. - Bề mặt kim tiêm sử dụng 1 lần Vinahankook nhẵn, bóng không có tạp chất khi nhìn bằng mắt thường. - Liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường: chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị trượt khỏi đốc kim.	Cái	100,000
5	MHH1261	VTTH	Găng tay nitril không bột	Nhóm 5			Chất liệu: 100% nitrile - Không bột, chưa tiết trùng - Màu: trắng/xanh - Bao gồm các size: XS, S,M,L. Giao theo yêu cầu khi đặt hàng	Đôi	11,000
6	MHH460	VTTH	Tube eppendorff 1.5mL có nắp	Nhóm 5			* Chưa tiết trùng * Nắp bật, có vạch chia thể tích * Thể tích làm việc: 1.5ml * Vật liệu: polypropylene không chứa kim loại nặng * Không chứa DNase/RNase, DNA người và chất gây sốt * Chịu được ăn mòn hóa chất và nhiệt độ (tối thiểu -80oC) * Chịu được lực ly tâm tối đa 18.000 vòng/phút	Cái	75,000
7	MHH1260	VTTH	Khẩu trang y tế 4 lớp	Nhóm 5			Cấu tạo gồm 4 lớp: + Lớp 1: Một lớp vải không dệt mềm thoáng khí. + Lớp 2: Lớp lọc ở giữa: Một màng, có khả năng lọc và ngăn chặn ít nhất 90% bụi và vi khuẩn không khí. Lớp vải lọc khí không thấm nước, thoáng khí, không dị ứng da. + Lớp 3: Lớp lọc kháng khuẩn, có tác dụng ngăn khối bụi, khí độc, vi khuẩn xâm nhập, phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm lây qua đường hô hấp. Sử dụng hiệu quả khi lưu thông trên đường hay làm việc trong các bệnh viện, tiếp xúc với môi trường công nghiệp hiện đại. + Lớp 4: Vải không dệt được làm bằng Polypropylene sợi tổng hợp ép lại với nhau để tạo thành một lớp vải. Độ bền cao, độ đàn hồi tốt. Đạt tiêu chuẩn TCVN hoặc tương đương	Cái	3,500
8	MHH1718	HCSP	Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV	Nhóm 3	Điện hóa phát quang	Huyết thanh học	Dùng trên hệ thống miễn dịch tự động, có thể phát hiện đồng thời và phân biệt kháng nguyên HIV và kháng thể kháng HIV, kỹ thuật điện hoá phát quang. Độ nhạy 100%, Độ đặc hiệu >=98%. Có thời gian thực hiện xét nghiệm không quá 20 phút.	Test	15,000
9	MHH1719	HCSP	Mẫu nội kiểm cho Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV	Nhóm 3	Điện hóa phát quang	Huyết thanh học	Mẫu nội kiểm với tối thiểu 3 mức nồng độ có chứa kháng nguyên và kháng thể kháng HIV, tương thích với Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV	Hộp	12
10	MHH1722	HCSP	Dung dịch để tạo tín hiệu điện hóa, đi kèm Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV	Nhóm 4	Điện hóa phát quang	Huyết thanh học	Dung dịch dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch, dùng bảo vệ điện cực, vận chuyển hợp chất phản ứng , rửa các hạt vi mô phủ streptavidin Tương thích với Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV	Lit	60
11	MHH1723	HCSP	Dung dịch rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch, tương thích với Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV	Nhóm 4	Điện hóa phát quang	Huyết thanh học	Dung dịch rửa bộ phát hiện tín hiệu, kim hút thuốc thử của máy xét nghiệm miễn dịch Tương thích với Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV	Lit	120

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
12	MHH1724	HCSP	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện của phản ứng miễn dịch, tương thích với Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV	Nhóm 4	Điện hóa phát quang	Huyết thanh học	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có thể gây nhiễu đối với việc phát hiện các tín hiệu tương thích với Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV	Lit	60
13	MHH1725	HCSP	Cúp và tip dùng hút mẫu, QC, và chất chuẩn trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch, tương thích với Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV	Nhóm 3	Điện hóa phát quang	Huyết thanh học	Tương thích hệ thống thiết bị dùng cho Thuốc thử 1 xét nghiệm HIV Quy cách: 36 x (105 tip + 105 cup)/ thùng	Thùng	5
14	MHH1720	HCSP	Thuốc thử 2 xét nghiệm HIV	Nhóm 3	Hóa phát quang hay miễn dịch vi hạt	Huyết thanh học	Dùng trên hệ thống miễn dịch tự động, có thể phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV và kháng thể kháng HIV, kỹ thuật hóa phát quang hay miễn dịch vi hạt. Độ nhạy 100% Độ đặc hiệu >=98% Có thời gian thực hiện xét nghiệm không quá 40 phút	Test	10,000
15	MHH1721	HCSP	Mẫu nội kiểm cho Thuốc thử 2 xét nghiệm HIV	Nhóm 3	Hóa phát quang hay miễn dịch từ vi hạt	Huyết thanh học	Mẫu nội kiểm với tối thiểu 4 mức nồng độ có chứa kháng nguyên và kháng thể kháng HIV, tương thích với Thuốc thử 2 xét nghiệm HIV	Hộp	5
16	MHH1726	HCSP	Các dung dịch hệ thống dùng cho thuốc thử 2 xét nghiệm HIV	Nhóm 3	Hóa phát quang hay miễn dịch từ vi hạt	Huyết thanh học	Tương thích với Thuốc thử 2 xét nghiệm HIV trên hệ thống máy hóa phát quang	Test	10,000
17	MHH1729	HCSP	Mẫu hiệu chuẩn cho Thuốc thử 2 xét nghiệm HIV (Nếu trong thuốc thử chưa có sẵn)	Nhóm 3	Hóa phát quang hay miễn dịch từ vi hạt	Huyết thanh học	Tương thích với Thuốc thử 2 xét nghiệm HIV trên hệ thống máy hóa phát quang	ml	12
18	MHH1836	VTTH	Cồng phản ứng và đầu côn hút mẫu phù hợp Thuốc thử 2	Không phân nhóm	Hóa phát quang hay miễn dịch từ vi hạt	Huyết thanh học	Tương thích với Thuốc thử 2 xét nghiệm HIV trên hệ thống máy hóa phát quang	bộ	Đủ cho 10.000 test
19	MHH1731	HCSP	Thuốc thử định lượng HBS Ag	Nhóm 3	Điện hóa phát quang	Huyết thanh học	Dùng cho hệ thống miễn dịch tự động, kỹ thuật điện hóa phát quang Đầy đo được 0,05 - 130 IU/mL với mẫu không pha loãng Đầy có thể đo được khi pha loãng: từ >45 đến >3.500.000 IU/ml (với các mức pha loãng khác nhau)	Test	600
20	MHH1732	HCSP	Thuốc thử kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HBSAg	Nhóm 3	Điện hóa phát quang	Huyết thanh học	Là huyết thanh người (có chất bảo quản) chứa HBSAg với tối thiểu 2 mức nồng độ khác nhau và 1 mức pha loãng; tương thích với sinh phẩm định lượng HBSAg	ml	39
21	MHH1733	HCSP	Khay thử test nhanh 1 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2 phục vụ chẩn đoán	Nhóm 3	Sắc ký miễn dịch hay miễn dịch dòng bên	Huyết thanh học	Khay thử test nhanh HIV phát hiện định tính kháng thể HIV type 1 và 2. Sử dụng mẫu bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần, Độ nhạy >99.5%, độ đặc hiệu > 98%, Thời gian đọc kết quả 15 - 60 phút; Được nhiều đơn vị sử dụng (>30 đơn vị) theo báo cáo ngoại kiểm của Viện Pasteur Tp. HCM (Hồ sơ là tổng hợp kết quả Chương trình Ngoại kiểm huyết thanh học HIV định kỳ của Viện Pasteur Tp. HCM)	Test	3,000
22	MHH1734	HCSP	Khay thử test nhanh 2 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2 phục vụ ngoại kiểm	Nhóm 5	Sắc ký miễn dịch hay miễn dịch dòng bên	Huyết thanh học	Khay thử test nhanh HIV phát hiện định tính và phân biệt kháng thể kháng HIV type 1 và 2. Sử dụng mẫu bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần, Độ nhạy >99.5%, độ đặc hiệu > 98% Được nhiều đơn vị sử dụng (>10 đơn vị) theo báo cáo ngoại kiểm của Viện Pasteur Tp. HCM (Hồ sơ là tổng hợp kết quả Chương trình Ngoại kiểm huyết thanh học HIV định kỳ của Viện Pasteur Tp. HCM)	Test	250
23	MHH1735	HCSP	Khay thử test nhanh 3 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2 phục vụ ngoại kiểm	Nhóm 5	Sắc ký miễn dịch hay miễn dịch dòng bên hoặc miễn dịch chấm thấm	Huyết thanh học	Khay thử test nhanh HIV phát hiện định tính kháng thể HIV type 1 và 2. Sử dụng mẫu bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần, Độ nhạy >99.5%, độ đặc hiệu > 98% Được nhiều đơn vị sử dụng (>15 đơn vị) theo báo cáo ngoại kiểm của Viện Pasteur Tp. HCM (Hồ sơ là tổng hợp kết quả Chương trình Ngoại kiểm huyết thanh học HIV định kỳ của Viện Pasteur Tp. HCM)	Test	250
24	MHH1736	HCSP	Khay thử test nhanh 4 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2 phục vụ ngoại kiểm	Nhóm 5	Sắc ký miễn dịch hay miễn dịch dòng bên hoặc miễn dịch chấm thấm	Huyết thanh học	Khay thử test nhanh HIV phát hiện định tính và phân biệt kháng thể kháng HIV type 1 và 2. Sử dụng mẫu bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần, Độ nhạy >99.5%, độ đặc hiệu > 98% Được nhiều đơn vị sử dụng (>20 đơn vị) theo báo cáo ngoại kiểm của Viện Pasteur Tp. HCM (Hồ sơ là tổng hợp kết quả Chương trình Ngoại kiểm huyết thanh học HIV định kỳ của Viện Pasteur Tp. HCM)	Test	250

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
25	MHH1737	HCSP	Khay thử test nhanh 5 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2 phục vụ ngoại kiểm	Nhóm 5	Sắc ký miễn dịch hay miễn dịch dòng bên hoặc miễn dịch chấm thấm	Huyết thanh học	Khay thử test nhanh HIV phát hiện định tính kháng thể HIV type 1 và 2. Sử dụng mẫu bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần, Độ nhạy >99.5%, độ đặc hiệu > 98% Được nhiều đơn vị sử dụng (>25 đơn vị) theo báo cáo ngoại kiểm của Viện Pasteur Tp. HCM (Hồ sơ là tổng hợp kết quả Chương trình Ngoại kiểm huyết thanh học HIV định kỳ của Viện Pasteur Tp. HCM)	Test	250
26	MHH1738	HCSP	Khay thử test nhanh 6 phát hiện kháng thể kháng HIV type 1 và Type 2 phục vụ ngoại kiểm	Nhóm 5	Sắc ký miễn dịch hay miễn dịch dòng bên hoặc miễn dịch chấm thấm	Huyết thanh học	Khay thử test nhanh HIV phát hiện định tính kháng thể HIV type 1 và 2. Sử dụng mẫu bệnh phẩm huyết tương, huyết thanh, máu toàn phần, Độ nhạy >99.5%, độ đặc hiệu > 98% Được nhiều đơn vị sử dụng (> 7 đơn vị) theo báo cáo ngoại kiểm của Viện Pasteur Tp. HCM (Hồ sơ là tổng hợp kết quả Chương trình Ngoại kiểm huyết thanh học HIV định kỳ của Viện Pasteur Tp. HCM)	Test	250
27	MHH1739	HCSP	Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng cho máy phân tích tế bào dòng chảy	Nhóm 3	Đo tế bào dòng chảy	MD tế bào	Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng cho máy phân tích tế bào dòng chảy Tương thích với Máy FacsCanto II (Mã kiểm kê của máy: 3895) đang sử dụng tại Labo HIV/Viêm gan B Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tương đương	ml	1,200
28	MHH1740	HCSP	Dung dịch tạo dòng chảy sử dụng cho máy phân tích tế bào dòng chảy	Nhóm 3	Đo tế bào dòng chảy	MD tế bào	Dung dịch tạo dòng chảy sử dụng cho máy phân tích tế bào dòng chảy Tương thích với Máy FacsCanto II (Mã kiểm kê của máy: 3895) đang sử dụng tại Labo HIV/Viêm gan B Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tương đương	Lit	400
29	MHH1741	HCSP	Dung dịch tráng máy sử dụng cho máy phân tích tế bào dòng chảy	Không phân nhóm	Đo tế bào dòng chảy	Miễn dịch tế bào	Dung dịch tráng máy sử dụng cho máy phân tích tế bào dòng chảy Tương thích với Máy FacsCanto II (Mã kiểm kê của máy: 3895) đang sử dụng tại Labo HIV/Viêm gan B Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tương đương	Lit	120
30	MHH1742	HCSP	Dung dịch làm sạch cho các bộ phận sử dụng cho máy phân tích tế bào dòng chảy	Không phân nhóm	Đo tế bào dòng chảy	Miễn dịch tế bào	Dung dịch làm sạch cho các bộ phận máy phân tích khi tiếp xúc với mẫu Tương thích với Máy FacsCanto II (Mã kiểm kê của máy: 3895) đang sử dụng tại Labo HIV/Viêm gan B Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tương đương	Lit	60
31	MHH1743	HCSP	Dung dịch rửa làm sạch cho máy phân tích tế bào dòng chảy cuối ngày	Không phân nhóm	Đo tế bào dòng chảy	Miễn dịch tế bào	Dung dịch rửa máy chuyên dụng Tương thích với Máy FacsCanto II (Mã kiểm kê của máy: 3895) đang sử dụng tại Labo HIV/Viêm gan B Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tương đương	Lit	60
32	MHH1744	HCSP	Chất chuẩn kiểm soát chất lượng các đặc tính, theo dõi và báo cáo hiệu năng của thiết bị	Nhóm 3	Đo tế bào dòng chảy	Miễn dịch tế bào	Dung dịch hiệu chuẩn, tương thích với Máy FacsCanto II (Mã kiểm kê của máy: 3895) đang sử dụng tại Labo HIV/Viêm gan B Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tương đương	Test	100
33	MHH1745	HCSP	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm đếm tế bào CD4/CD8	Nhóm 3	Đo tế bào dòng chảy	Miễn dịch tế bào	Mẫu nội kiểm dùng phát hiện các thụ quan trên bề mặt tế bào CD4/CD8, có thời gian ổn định tối thiểu trong vòng 30 ngày kể từ khi mở nắp	ml	144
34	MHH1746	HCSP	Chất thử xét nghiệm xác định các tế bào lympho biểu hiện đồng thời các kháng nguyên CD3/CD8/CD45/CD4	Nhóm 3	Đo tế bào dòng chảy	Miễn dịch tế bào	Kháng thể đơn dòng hỗn hợp chứa 4 kháng thể kháng CD3/CD8/CD45/CD4. Tương thích với máy Máy FacsCanto II (Mã kiểm kê của máy: 3895) đang sử dụng tại Labo HIV/Viêm gan B Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tương đương	Test	4,000
35	MHH1747	HCSP	Chất chuẩn kiểm soát chất lượng các đặc tính, theo dõi và báo cáo hiệu năng của thiết bị	Nhóm 3	Đo tế bào dòng chảy	Miễn dịch tế bào	- Sử dụng để thiết lập máy, thực hiện QC hàng ngày và xác định cài đặt ứng dụng lyse / wash (LW) Tương thích với máy Máy FacsCanto II (Mã kiểm kê của máy: 3895) đang sử dụng tại Labo HIV/Viêm gan B Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tương đương	Test	100
36	MHH1749	VTTH	Tube 5ml đáy tròn dùng cho máy tế bào dòng chảy	Không phân nhóm			Tube đáy tròn, có nắp, làm từ nhựa Polypropylene 5 ml, kích thước Ø12× 75mm / 3000 vòng Tương thích với máy Máy FacsCanto II (Mã kiểm kê của máy: 3895) đang sử dụng tại Labo HIV/Viêm gan B Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh hoặc tương đương	Cái	15,000
37	MHH1664	VTTH	Tube lưu mẫu 2 ml	Nhóm 3			Ống Cryo tiết trùng tự đứng 2ml có nhãn viết; - Bảo quản mẫu trong nitơ lỏng; Chất liệu polypropylene; - Độ bền cao và rõ ràng; - Ống phù hợp với hầu hết các rotor; - Hấp khử trùng ở 121oC và trữ đông ở -190oC; - Nắp vận ngoài: ren vận ngoài của thân ống vừa khớp với ren vận trong của nắp ở dạng xoắn và được khử trùng bằng chiếu xạ tia gamma - Đóng gói trong túi zip-lock có thể mở đóng lại được - Có đệm silicon hoặc tương đương	Cái	8,000

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
38	MHH938	VTTH	Đầu côn không lọc có khóa 200 ul	Không phân nhóm			Chất liệu nhựa Polypropylene. Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào. - Không chứa kim loại nặng. - Thích ứng với nhiều loại pipette. - Trên các tip có những vạch chia độ. - Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu. - Phù hợp bộ pipet đang sử dụng tại PXN HIV/Viêm gan (Eppendorf, Gilson, Biohit)	Cái	20000
39	MHH531	VTTH	Đầu côn xanh 1000 µl không lọc	Không phân nhóm			Đầu côn xanh 1000ul không lọc - Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào. - Không chứa kim loại nặng. - Thích ứng với nhiều loại pipette. - Trên các tip có những vạch chia độ. - Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu. - Phù hợp bộ pipet đang sử dụng tại PXN HIV/Viêm gan (Eppendorf, Gilson, Biohit)	Cái	1,000
40	MHH1749	VTTH	Đầu côn vô trùng thể tích 25ml	Nhóm 5			Đầu côn vô trùng dùng cho pipette stepper, thể tích tổng là 25ml, với mỗi lần nhỏ là 500ul, vô trùng	Cái	100
41	MHH1112	HCSP	Thuốc thử đo tải lượng virus HBV theo phương pháp Realtime-PCR tự động	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- Giới hạn phát hiện (LoD): ở nồng độ 3 IU/mL với tỷ lệ đạt ≥ 95% cho thể tích xử lý mẫu 500 µL và ở nồng độ 17,5 IU/mL với tỷ lệ đạt ≥ 95% cho thể tích xử lý mẫu 200µL trong huyết tương chống đông bằng EDTA. - Khoảng tuyến tính: Với thể tích xử lý 500 µL mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và huyết thanh từ 10 F15IU/mL đến 1.00E+09 IU/mL; với thể tích xử lý 200 µL mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và huyết thanh từ 25 IU/mL đến 1.00E+09 IU/mL - Yêu cầu quy cách đóng gói: ≥ 120 test/hộp	Test	1200
42	MHH1113	HCSP	Thuốc thử đo tải lượng virus HCV theo phương pháp Realtime-PCR tự động	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- Phát hiện kiểu gen HCV 1-6; - LoD: 8.46 IU/mL với khoảng tin cậy 95% là 7.50-9.79 IU/mL (mẫu 500 µL trong huyết tương chống đông bằng EDTA) và ở nồng độ 9.61 IU/mL với khoảng tin cậy 95% là 8.70-10.95 IU/mL cho thể tích xử lý mẫu 500 µL trong huyết thanh; - Khoảng tuyến tính: Với thể tích xử lý mẫu 500 µL, với mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và huyết thanh từ 15IU/mL đến 1.00E+08 IU/mL - Yêu cầu quy cách đóng gói: ≥ 120 test/hộp	Test	600
43	MHH283	HCSP	Thuốc thử đo tải lượng virus HIV theo phương pháp Realtime-PCR tự động	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- Loại mẫu: Huyết tương chống đông bằng EDTA, Mẫu huyết tương khô trên Plasma Separation Card, Mẫu máu khô. - Độ nhạy phân tích: 14.2 cp/mL (400 µL) mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA. - Khoảng tuyến tính: 400 µL: 20.0 cp/mL – 1.0E+07 cp/mL. - Độ đặc hiệu: 100% (khoảng tin cậy 95% một bên: 99.5%) - Phát hiện kiểu gen: HIV-1M (A–D, F–H, CRF01_AE, CRF02_AG), HIV-1O, HIV-1N. - Yêu cầu quy cách đóng gói: ≥ 120 test/hộp	Test	15120
44	MHH283	HCSP	Thuốc thử đo tải lượng virus HIV theo phương pháp RT-PCR tự động	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- Loại mẫu: Huyết tương chống đông bằng EDTA, Mẫu huyết tương khô, Mẫu máu khô. - LoD=13,2cp/mL cho thể tích 500 µL, 35,5 cp/mL cho thể tích 200 µL (Mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA) - Khoảng tuyến tính: thể tích mẫu 500 µL, tuyến tính từ 20 cp/mL đến 1.00E+07 cp/mL (33.3IU/mL đến 1.67E+07 IU/mL); thể tích mẫu 200 µL, tuyến tính từ 50 cp/mL đến 1.00E+07 cp/mL (83.3IU/mL đến 1.67E+07 IU/mL); - Độ chụm: SD tổng=0,05-0,12 (với 500 µL mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA); từ 0,04-0,16 với mẫu 200 µL - Kiểu gen phát hiện: HIV-1 nhóm M (A–D, F–H, CRF01_AE, CRF02_AG), HIV-1nhóm O, HIV-nhóm N; - Độ đặc hiệu: 100% - Yêu cầu quy cách đóng gói: ≥ 120 test/hộp	Test	28800

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
45	MHH284	HCSP	Chứng nội sử dụng cho Thuốc thử định lượng HIV/ HBV/HCV	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- HBV/HCV/HIV-1 L(+)/C (Mẫu chứng dương thấp HBV/HCV/HIV-1); - HBV/HCV/HIV-1 H(+)/C (Mẫu chứng dương cao HBV/HCV/HIV-1), (-) C (Mẫu chứng âm): Huyết tương người bình thường, không có phản ứng qua các xét nghiệm hợp quy cho kháng thể kháng HIV 1/2, kháng thể kháng HCV, HBsAg, kháng thể kháng HBe; không phát hiện RNA HIV1, RNA HIV-2, RNA HCV, và DNA HBV bằng các phương pháp PCR; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Bộ	160
46	MHH284	HCSP	Chứng nội sử dụng cho Thuốc thử định lượng HIV/ HBV/HCV	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- HBV/HCV/HIV-1 L(+)/C (Mẫu chứng dương thấp HBV/HCV/HIV-1); - HBV/HCV/HIV-1 H(+)/C (Mẫu chứng dương cao HBV/HCV/HIV-1), (-) C (Mẫu chứng âm): Huyết tương người bình thường, không có phản ứng qua các xét nghiệm hợp quy cho kháng thể kháng HIV 1/2, kháng thể kháng HCV, HBsAg, kháng thể kháng HBe; không phát hiện RNA HIV1, RNA HIV-2, RNA HCV, và DNA HBV bằng các phương pháp PCR; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Bộ	950
47	MHH285	VTTH	Đĩa dùng để tách chiết mẫu phẩm	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đĩa tách chiết thể tích 2.0 ml; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Cái	160
48	MHH285	VTTH	Đĩa dùng để tách chiết mẫu phẩm	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đĩa tách chiết thể tích 2.0 ml ; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Cái	1,000
49	MHH286	VTTH	Đĩa dùng để thực hiện phản ứng Realtime-PCR	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đĩa phản ứng 0.3 ml; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Cái	200
50	MHH286	VTTH	Đĩa dùng để thực hiện phản ứng RT-PCR tự động	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đĩa phản ứng 0.3 ml; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Cái	1,000
51	MHH287	VTTH	Đầu côn có lọc, thể tích 1 ml	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đầu côn có lọc dùng để trộn và xử lý mẫu, thể tích 1ml; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Cái	199,680
52	MHH287	VTTH	Đầu côn có lọc, thể tích 1 ml	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đầu côn có lọc dùng để trộn và xử lý mẫu, thể tích 1ml; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Cái	1,152,000
53	MHH288	VTTH	Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu phẩm, thể tích 200ml	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu loại 200ml; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Cái	400
54	MHH288	VTTH	Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu phẩm, thể tích 200ml	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu loại 200ml; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Cái	2,000
55	MHH289	VTTH	Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu phẩm, thể tích 50ml	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu loại 50ml; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Cái	400
56	MHH289	VTTH	Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu phẩm, thể tích 50ml	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Khay đựng hóa chất tách chiết mẫu loại 50ml; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Cái	2,000
57	MHH290	HCSP	Hóa chất tách chiết mẫu phẩm	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Hóa chất dùng trong xử lý và tách chiết gồm dung dịch bảo quản mẫu, hạt từ; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Test	15,360

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
58	MHH290	HCSP	Hóa chất tách chiết mẫu phẩm	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Hóa chất dùng trong xử lý và tách chiết gồm dung dịch bảo quản mẫu, hạt từ; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Test	91,200
59	MHH291	HCSP	Nước rửa sử dụng cho hóa chất định lượng virus	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Nước rửa sử dụng cho hóa chất định lượng virus được sử dụng để chuẩn bị mẫu; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Test	15,360
60	MHH291	HCSP	Nước rửa sử dụng cho hóa chất định lượng virus	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Nước rửa sử dụng cho hóa chất định lượng virus được sử dụng để chuẩn bị mẫu; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Test	91,200
61	MHH292	HCSP	Hóa chất ly giải trong tách chiết	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Hóa chất ly giải dùng trong xử lý và tách chiết; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Test	15,360
62	MHH292	HCSP	Hóa chất ly giải trong tách chiết	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Hóa chất ly giải dùng trong xử lý và tách chiết; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động.	Test	91,200
63	MHH1114	HCSP	Thuốc thử đo tải lượng virus HBV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- Giới hạn phát hiện (LoD): ở nồng độ 3 IU/mL với tỷ lệ đạt $\geq 95\%$ cho thể tích xử lý mẫu 500 μ L và ở nồng độ 17.5 IU/mL với tỷ lệ đạt $\geq 95\%$ cho thể tích xử lý mẫu 200 μ L trong huyết tương chống đông bằng EDTA. - Khoảng tuyến tính: Với thể tích xử lý 500 μ L mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và huyết thanh từ 10 F15IU/mL đến 1.00E+09 IU/mL; với thể tích xử lý 200 μ L mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và huyết thanh từ 25 IU/mL đến 1.00E+09 IU/mL - Yêu cầu quy cách đóng gói: ≥ 192 test/hộp	Test	1,920
64	MHH1115	HCSP	Thuốc thử đo tải lượng virus HCV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- Phát hiện kiểu gen HCV 1-6; - LoD: 8.46 IU/mL với khoảng tin cậy 95% là 7.50-9.79 IU/mL (mẫu 500 μ L trong huyết tương chống đông bằng EDTA) và ở nồng độ 9.61 IU/mL với khoảng tin cậy 95% là 8.70-10.95 IU/mL cho thể tích xử lý mẫu 500 μ L trong huyết thanh; - Khoảng tuyến tính: Với thể tích xử lý mẫu 500 μ L, với mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA và huyết thanh từ 15IU/mL đến 1.00E+08 IU/mL - Yêu cầu quy cách đóng gói: ≥ 192 test/hộp	Test	960
65	MHH1116	HCSP	Thuốc thử đo tải lượng virus HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- Loại mẫu: Huyết tương chống đông bằng EDTA, Mẫu huyết tương khô, Mẫu máu khô. - LoD=13,2cp/mL cho thể tích 500 μ L, 35,5 cp/mL cho thể tích 200 μ L (Mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA) - Khoảng tuyến tính: thể tích mẫu 500 μ L, tuyến tính từ 20 cp/mL đến 1.00E+07 cp/mL (33.3IU/mL đến 1.67E+07 IU/mL); thể tích mẫu 200 μ L, tuyến tính từ 50 cp/mL đến 1.00E+07 cp/mL (83.3IU/mL đến 1.67E+07 IU/mL); - Độ chụm: SD tổng=0,05-0,12 (với 500 μ L mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA); từ 0,04-0,16 với mẫu 200 μ L - Kiểu gen phát hiện: HIV-1 nhóm M (A-D, F-H, CRF01_AE, CRF02_AG), HIV-1nhóm O, HIV-nhóm N; - Độ đặc hiệu: 100% - Yêu cầu quy cách đóng gói: ≥ 192 test/hộp	Test	22,272
66	MHH1117	VTTH	Thuốc thử đo tải lượng virus HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 96 test	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- Thể tích mẫu xử lý: 200 μ L hoặc 500 μ L mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA; - LoD=13,2cp/mL cho thể tích 500 μ L, 35,5 cp/mL cho thể tích 200 μ L; (Mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA) - Khoảng tuyến tính: thể tích mẫu 500 μ L, tuyến tính từ 20 cp/mL đến 1.00E+07 cp/mL (33.3IU/mL đến 1.67E+07 IU/mL); thể tích mẫu 200 μ L, tuyến tính từ 50 cp/mL đến 1.00E+07 cp/mL (83.3IU/mL đến 1.67E+07 IU/mL); - Độ chụm: SD tổng=0,05-0,12; - Kiểu gen phát hiện: HIV-1 nhóm M (A-D, F-H, CRF01_AE, CRF02_AG), nhóm O, nhóm N; - Độ đặc hiệu: 100% - Yêu cầu quy cách đóng gói: ≥ 96 test/hộp	Test	5,376

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
67	MHH1780	VTTH	Đĩa khuếch đại 24 vị trí	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đĩa khuếch đại mẫu loại 24 vị trí để thực hiện phản ứng realtime PCR; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	Cái	1,080
68	MHH1781	VTTH	Đĩa khuếch đại 96 vị trí	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đĩa khuếch đại mẫu loại 96 vị trí để thực hiện phản ứng realtime PCR; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	Cái	480
69	MHH1782	VTTH	Đĩa xử lý 24 vị trí	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đĩa xử lý mẫu loại 24 vị trí để thực hiện phản ứng realtime PCR; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	Cái	900
70	MHH1783	VTTH	Đĩa xử lý 96 vị trí	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đĩa xử lý mẫu loại 96 vị trí để thực hiện phản ứng realtime PCR; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	Cái	480
71	MHH1784	VTTH	Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đĩa chất thải lỏng 24 vị trí ; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	Cái	900
72	MHH1785	VTTH	Đầu côn có lọc, thể tích 1mL	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đầu côn có lọc dùng để trộn và xử lý mẫu, thể tích 1ml; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	Cái	23,040
73	MHH1786	VTTH	Đầu côn có lọc, thể tích 300 µL	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đầu côn có lọc, thể tích 300 µL; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	Cái	23,040
74	MHH1787	VTTH	Hóa chất ly giải sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Hóa chất ly giải dùng trong xử lý và tách chiết; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	ml	115,500
75	MHH1788	VTTH	Hạt thủy tinh từ tính	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Hạt thủy tinh từ tính Hộp: chạy được 480 test; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	Hộp	65
76	MHH1789	VTTH	Hóa chất pha loãng sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Hóa chất pha loãng sử dụng cho nhiều hệ thống thiết bị xét nghiệm; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	Test	16,992
77	MHH1790	VTTH	Hóa chất rửa hệ thống	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Hóa chất rửa hệ thống ; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test.	ml	247,800
78	MHH1791	VTTH	Chứng âm sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Kiểm soát âm tính xét nghiệm phát hiện / định tính / định lượng RNA HIV-1, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV bằng phương pháp RT-PCR tự động, tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test	ml	976
79	MHH1792	VTTH	Chứng dương sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV sử dụng trên nhiều hệ thống xét nghiệm	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Kiểm soát dương tính nồng độ thấp HBV/HCV/HIV-1 Low Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 L(+))C); Kiểm soát dương tính nồng độ cao HBV/HCV/HIV-1 High Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 H(+))C); tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test	ml	1,248
80	MHH1793	VTTH	Đầu côn hút bệnh phẩm	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Đầu côn hút bệnh phẩm, vật tư tiêu hao được sử dụng làm IVD phụ kiện cho hệ thống Real-time PCR; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HBV, HCV, HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 192 test	Hộp	28
81	MHH1794	VTTH	Chứng âm sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV	Nhóm 1	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		Mẫu huyết tương người bình thường, không phản ứng với các xét nghiệm được cấp phép cho kháng thể với HCV, kháng thể với HIV1/2, HBsAg, kháng thể với HBe, HIV-1 RNA, HIV-2 RNA, HCV RNA được phát hiện bởi phương pháp PCR; tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 96 test	ml	112

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
82	MHH1795	VTTH	Chứng dương sử dụng cho hóa chất định lượng HIV/ HBV/HCV	Nhóm 3	Thực hiện đo tải lượng vi rút theo phương pháp Realtime-PCR tự động		- Vật liệu kiểm soát dương tính nồng độ thấp HBV/HCV/HIV-1 Low Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 L(+C)) - Vật liệu kiểm soát dương tính nồng độ cao HBV/HCV/HIV-1 High Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 H(+C)) tương thích với thuốc thử đo tải lượng virus HIV theo phương pháp RT-PCR tự động, 96 test	ml	146
83	MHH41	HCSP	Hóa chất tách chiết RNA vi rút (250 phản ứng)	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Bộ kit tách chiết RNA virus từ mẫu dịch cơ thể như huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Hiệu suất thu hồi RNA virus hơn 90% ở bất kỳ nồng độ nào. Loại bỏ hoàn toàn chất ức chế và yếu tố gây nhiễm. Công nghệ màng silica có thể phân lập RNA virus trong 20 phút.	Test	500
84	MHH46	HCSP	Dung dịch ethanol tuyệt đối (1000 ml)	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Hàm lượng: $\geq 99.9\%$ ethanol, loại chuyên dùng cho sinh học phân tử	ml	4,000
85	MHH175	HCSP	Men kết hợp phiên mã ngược và PCR một bước cho phản ứng tạo cDNA và PCR, có bổ sung hoạt chất sửa sai cao (100 phản ứng)	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	- Bộ hóa chất phiên mã ngược khuếch đại (RT-PCR) 1 bước từ mẫu RNA, sử dụng enzyme phiên mã ngược là phiên bản biến đổi gen của MMLV (RT) và hỗn hợp enzyme bao gồm Taq DNA polymerase tái tổ hợp, Pyrococcus Species GB-D polymerase và kháng thể Platinum Taq - Taq DNA Polymerase ở dạng liên kết với kháng thể (Hot Start) giúp khóa hoạt tính polymerase ở nhiệt độ thường, tăng tính đặc hiệu cho phản ứng PCR - Độ nhạy: 1 pg - 1 μ g RNA tổng số - Độ chính xác (so với Taq): 2 X - Hiệu suất khuếch đại ở vùng gene giàu GC: cao - Kích thước sản phẩm đầu ra: tối đa 10 kb	Test	400
86	MHH968	HCSP	Men DNA polymerase tốc độ kéo dài 2-4 kb/min at 72°C	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Đóng gói 4 x 250 units của men tái tổ hợp HotStarTaq DNA Polymerase có hoạt tính 5' \rightarrow 3' exonuclease activity, nồng độ 5 units/ μ l, tốc độ kéo dài 2-4 kb/min ở 72°C, cung cấp kèm buffer 10X bao gồm các dNTP, ddNTP, dUTP, biotin-11-dUTP và dung dịch MgCl ₂ nồng độ 5 UI/ μ L Quy cách: Hộp 1000 UI	Hộp	3
87	MHH970	HCSP	Môi tinh sạch HPLC	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Tinh sạch HPLC, 50ng/ống	Ống	9
88	MHH1123	HCSP	Hỗn hợp dNTPs 10mM	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	10mM dNTP Mix 4 nucleotides (dATP, dCTP, dGTP, dTTP). Mỗi nucleotide có nồng độ 10 mM. Dùng cho PCR, GTT, phản ứng điện vào, dịch mã nick, tổng hợp cDNA và phản ứng tạo đuôi TdT. • pH 7.5 • Độ tinh sạch >99% HPLC • Bảo quản được 2 năm ở -20°C • Không chứa các inhibitors gây ức chế phản ứng qPCR, PCR, reverse transcription • Không có hoạt chất DNases và RNases • Không có DNA người và E. coli Quy cách: 4 x 250 μ L/Hộp	Hộp	5
89	MHH202	HCSP	Thang điện di DNA 1kb (Ống 250 μ g)	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Nồng độ: 0.5 μ g/ μ L. - Số lượng phản ứng: 500 phản ứng - Dùng để xác định kích thước dsDNA (double-stranded DNA) từ 100 bp to 15,000 bp. Gồm 18 vạch thang riêng biệt, có dải tham chiếu tại 1500 bp để dễ dàng định hướng Quy cách: 250 ug/bộ	Bộ	2

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
90	MHH50	HCSP	Gel Agarose, dạng bột	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	* Được sử dụng để phân tách nucleic acid khi điện di. * Đã được kiểm tra và xác nhận không có hoạt tính DNase, RNase. * Dạng bột trắng. * Độ bền gel (1%): $\geq 1000\text{g/cm}^2$. * Nhiệt độ gelatin hóa (1.5%): 36°C–39°C. * Điểm nóng chảy (1.5%): 87°C–90°C * Phạm vi phân tách: 100 bp đến >30 kb Quy cách: Lọ/100 gr	Lọ	1
91	MHH243	HCSP	Bộ đệm nạp gel nồng độ 6X	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Nồng độ 6X, dùng cho điện di DNA	ml	9
92	MHH244	HCSP	Nước xử lý DEPC	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Chai 500mL, ứng dụng trong sinh học phân tử. Không có DNase, RNase. Phương pháp lọc: Hấp tiệt trùng, màng lọc pH 6 - 8 Đã được xử lý DEPC	ml	2,500
93	MHH64	HCSP	Thuốc nhuộm gel độ nhạy cao với dsDNA, đóng gói 500 μL	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Nồng độ 10.000X trong dung dịch DMSO. Ứng dụng để phát hiện DNA sợi kép (dsDNA) trong gel agarose và polyacrylamide. Bước sóng kích thích cực đại ở 290, 380, 497 nm, bước sóng phát xạ cực đại ở 520 nm. Đóng gói đủ để nhuộm khoảng 200 bản minigel. Quy cách: Hộp/500 ul	Hộp	2
94	MHH1122	HCSP	Kit giải trình tự điện di mao quản	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Đóng gói 1 ống hỗn hợp phản ứng 800 μl BigDye™ Terminator v3.1, 1 ống mỗi M13 (-21), 1 ống pGEM Control DNA, dùng cho 100 phản ứng. Cung cấp kèm theo 2 x 1mL ống buffer giải trình tự nồng độ 5X Dùng được cho hệ thống điện di mao quản loại CAP có chiều dài tối thiểu 50cm, trên đĩa chạy 96 giếng, dùng cho ứng dụng giải trình tự giàu AT cũng như giàu GC (>65%), nhận biết các trình tự trộn lẫn, trình tự dài, tái giải trình tự, giải trình tự De Novo – công suất lớn (cDNA), giải trình tự giàu GT, trình tự khó.	Test	500
95	MHH1837	HCSP	Kit PCR và giải trình tự điện di mao quản cho 3 vùng gen protease, reverse transtriptase và integrase của HIV-1	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Bao gồm chứng âm và dương tính, các thành phần cho phản ứng 1 bước RT-PCR, nested-PCR và sequencing, cho phép khuếch đại và giải trình tự những mẫu có nồng độ virus thấp, Men khuếch đại có khả năng sửa sai High Fidelity, là loại men tái tổ hợp. Giải trình tự trên cả 3 vùng gen protease, reverse transtriptase và integrase của HIV-1, phù hợp cho nhiều thứ typ HIV như CRF01_AE, B, C, CRF02_AG, CRF06_cpx Quy cách: Hộp 48 phản ứng	Hộp	16
96	MHH1124	HCSP	Anode Buffer cho hệ thống giải trình tự điện di mao quản	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Thành phần 1 bộ có dung dịch buffer chạy máy giải trình tự nồng độ 1X, Dùng được cho hệ thống điện di mao quản loại CAP có chiều dài tối thiểu 50cm, trên đĩa chạy 96 giếng, có mã RFID	Bộ	12
97	MHH1125	HCSP	Cathode Buffer cho hệ thống giải trình tự điện di mao quản	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Thành phần 1 bộ Có dung dịch buffer chạy máy giải trình tự nồng độ 1X, Dùng được cho hệ thống điện di mao quản loại CAP có chiều dài tối thiểu 50cm, trên đĩa chạy 96 giếng, có mã RFID, Khay chứa có hai ngăn riêng biệt, bên trái cung cấp bộ đệm cực âm cho điện di và bên phải cung cấp chức năng rửa mao quản và đẩy chất thải polyme đã sử dụng giữa các lần hút mẫu	Bộ	12

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
98	MHH1838	HCSP	Kit tinh sạch sản phẩm PCR bằng nhiệt và enzyme	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Làm sạch sản phẩm PCR bằng enzym và nhiệt, thủy phân các đoạn mồi và nucleotide dư thừa trong sản phẩm PCR Quy cách: 100 phản ứng/hộp	hộp	12
99	MHH1126	HCSP	Dung dịch Hi-Di Formamide	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Formamid khử ion cao, ổn định DNA được sử dụng để tái tạo huyền phù mẫu trước khi nạp mẫu trên hệ thống điện di mao quản	ml	75
100	MHH1127	HCSP	Gel POP-7 Polymer dùng cho hệ thống giải trình tự điện di mao quản	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Gel số 7, Lọ tương ứng 384 phản ứng, Dùng được cho hệ thống điện di mao quản loại CAP có chiều dài tối thiểu 50cm, trên đĩa chạy 96 giếng, dùng cho ứng dụng giải trình tự giàu AT (>65%), trình tự giàu GC (>65%), nhận biết các trình tự trộn lẫn, trình tự dài, tái giải trình tự, giải trình tự giàu GT, trình tự khó.	Test	1,152
101	MHH55	HCSP	Dung dịch TBE nồng độ 10X	Không phân nhóm, sử dụng theo quy trình in-house đã được đánh giá bởi WHO	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	* Thường được sử dụng để chạy điện di DNA trên gel polyacrylamide và agarose * Dạng lỏng, trong suốt * Được sử dụng để chuẩn bị dung dịch đệm 1X cho điện di polyacrylamide và gel agarose. *Không có DNase, Rnase và protease.	ml	1,000
102	MHH1267	VTTH	Đầu côn có lọc 200 ul	Không phân nhóm	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Biên độ thể tích: 20-200 µL Lọc PE được phát triển đặc biệt để ứng dụng trong khi hút, ngăn chặn sol khí và tạp nhiễm xâm nhập vào pipette và do đó giảm nguy cơ nhiễm chéo Màu sáng: Trong suốt Đã được xử lý vô trùng Đề trong hộp có giá đỡ Được chứng nhận là không chứa DNase, Rnase, DNA người pyrogen & chất ức chế PCR Chống bám dính tốt Phù hợp bộ pipet đang sử dụng tại PXN HIV/Viêm gan: Eppendorf, Gilson, Biohit, Fishebrand	Cái	960
103	MHH1678	VTTH	Đầu côn có lọc 50 ul	Không phân nhóm	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	* Thể tích làm việc: tối đa 50 ul Lọc PE được phát triển đặc biệt để ứng dụng trong khi hút, ngăn chặn sol khí và tạp nhiễm xâm nhập vào pipette và do đó giảm nguy cơ nhiễm chéo Màu sáng: Trong suốt Đã được xử lý vô trùng Đề trong hộp có giá đỡ Được chứng nhận là không chứa DNase, Rnase, DNA người pyrogen & chất ức chế PCR Chống bám dính tốt Phù hợp bộ pipet đang sử dụng tại PXN HIV/Viêm gan: Eppendorf, Gilson, Biohit, Fishebrand	Cái	960
104	MHH1265	VTTH	Đầu côn có lọc 20 ul	Không phân nhóm	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	* Biên độ thể tích: 0.5 - 20 ul Lọc PE được phát triển đặc biệt để ứng dụng trong khi hút, ngăn chặn sol khí và tạp nhiễm xâm nhập vào pipette và do đó giảm nguy cơ nhiễm chéo Màu sáng: Trong suốt Đã được xử lý vô trùng Đề trong hộp có giá đỡ Được chứng nhận là không chứa DNase, Rnase, DNA người pyrogen & chất ức chế PCR Chống bám dính tốt Phù hợp bộ pipet đang sử dụng tại PXN HIV/Viêm gan: Eppendorf, Gilson, Biohit, Fishebrand	Cái	960
105	MHH1262	VTTH	Đầu côn có lọc 10 ul	Không phân nhóm	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Biên độ thể tích: 0,2-10µL Lọc PE được phát triển đặc biệt để ứng dụng trong khi hút, ngăn chặn sol khí và tạp nhiễm xâm nhập vào pipette và do đó giảm nguy cơ nhiễm chéo Màu sáng: Trong suốt Đã được xử lý vô trùng Đề trong hộp có giá đỡ Được chứng nhận là không chứa DNase, Rnase, DNA người pyrogen & chất ức chế PCR Chống bám dính tốt Phù hợp bộ pipet đang sử dụng tại PXN HIV/Viêm gan: Eppendorf, Gilson, Biohit, Fishebrand	Cái	960

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
106	MHH529	VTTH	Dây 8 ống tube 0.2 ml nắp phẳng	Không phân nhóm	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Nuclease free, nắp phẳng, dính liền ống, nhựa trong, chịu được nhiệt độ nóng 96oC, Được thiết kế để phù hợp tối ưu trong tất cả các máy chu trình nhiệt thường được sử dụng, Không bị biến dạng, bung nắp khi biến tính ở nhiệt độ cao 96oC.	Cái	240
107	MHH1666	VTTH	Tube PCR nắp phẳng 0.2ml	Không phân nhóm	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Ống PCR 0.2ml với nắp phẳng, màu trong - Được sản xuất từ nhựa polypropylene tinh khiết - Được thiết kế để phù hợp tối ưu trong tất cả các máy chu trình nhiệt thường được sử dụng. - Thành siêu mỏng cho phép truyền nhiệt chính xác. - Nắp phẳng và mờ để dán nhãn. - Không tiết trùng và có thể hấp tiết trùng. - Không chứa DNase và Rnase. - Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE hoặc tương đương - Không bị biến dạng, bung nắp khi biến tính ở nhiệt độ cao 97oC.	Cái	500
108	MHH254	VTTH	Tube PCR nắp phẳng 0.5ml	Không phân nhóm	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	- Được sản xuất từ nhựa polypropylene tinh khiết - Được thiết kế để phù hợp tối ưu trong tất cả các máy chu trình nhiệt thường được sử dụng. - Thành siêu mỏng cho phép truyền nhiệt chính xác. - Nắp phẳng và mờ để dán nhãn. - Không tiết trùng và có thể khử trùng. - Không chứa DNase và Rnase. - Đạt chứng nhận ISO13485, ISO9001, CE	Cái	500
109	MHH1752	VTTH	Miếng cao su đẩy đĩa 96 giếng dùng cho máy giải trình tự gen	Không phân nhóm	PCR & giải trình tự sanger	Sinh học phân tử	Dùng để đẩy đĩa 96 giếng để chạy mẫu điện di	Cái	20
110	MHH179	HCSP	Dung dịch cồn 90 độ	Nhóm 6			Cồn 90 độ, dùng trong lĩnh vực y tế	lít	120
111	MHH45	HCSP	Javel 10%	Nhóm 6			Javel 100% Dung dịch Natri hypochloride 8% ~ 11%, trong suốt, màu vàng nhạt, mùi hắc. Bảo quản mát, tránh ánh sáng trực tiếp	lít	110
112	MHH1259	VTTH	Bình tia	Không phân nhóm			Bình tia nhựa Dung tích: 500ml Vật liệu: nhựa Bình màu trắng có vòi để dung dịch đi vào Sử dụng trong phòng thí nghiệm Nắp vận xoay chặt chẽ, không gây rò rỉ, nắp và vòi phun dính liền nhau. Chứa được chất lỏng và hóa chất	cái	
II	PHÒNG KHÁM ĐA KHOA								
113	MHH1753	VTTH	Bông tắm cồn	Nhóm 6			Isopropyl Alcohol 70% và bông thấm nước Quy cách: Hộp/100 miếng	Hộp	65
114	MHH1026	VTTH	Găng tay nitril không bột	Nhóm 6			Chất liệu: 100% nitrile - Không bột, chưa tiết trùng - Màu: trắng/xanh - Bao gồm các size: XS, S,M,L. Giao theo yêu cầu khi đặt hàng	Đôi	250
115	MHH1754	VTTH	Khăn giấy y tế	Nhóm 6			30cmx20cm, siêu dai, mịn, thấm hút tốt	Hộp	5
116	MHH1690	VTTH	Bơm kim tiêm 5ml	Nhóm 6			- Dung tích bơm tiêm 5cc, kim 23Gx1" - Chất liệu thép không rỉ có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác, cũng không bị lỏng làm thất thoát dịch - Khử trùng bằng khí E.O nên không độc, không gây sốt. -Không bị gãy, không bị cùn trong điều kiện bình thường. -Liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường: chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim.	Cái	260,000
117	MHH1709	VTTH	Bơm kim tiêm 10 ml	Nhóm 6			- Dung tích bơm tiêm 10cc, kim 23Gx1" - Chất liệu thép không rỉ có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Khử trùng bằng khí E.O nên không độc, không gây sốt. -Không bị gãy, không bị cùn trong điều kiện bình thường. -Bề mặt kim tiêm sử dụng 1 lần Vinahankook nhẵn, bóng không có tạp chất khi nhìn bằng mắt thường. -Liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường: chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim.	Cái	130,000



TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	DVT	SỐ LƯỢNG
118	MHH1058	VTTH	Bơm kim tiêm 3 ml	Nhóm 6			- Dung tích bơm tiêm 3cc, kim 25Gx5/8" - Chất liệu thép không rỉ có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác, cũng không bị lỏng làm thất thoát dịch - Khử trùng bằng khí E.O nên không độc, không gây sốt. -Không bị gãy, không bị cùn trong điều kiện bình thường. -Liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường: chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim.	Cái	150,000
119	MHH1110	VTTH	Bơm kim tiêm 1 ml	Nhóm 6			- Dung tích bơm tiêm 1cc, kim 25Gx5/8" - Chất liệu thép không rỉ có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác, cũng không bị lỏng làm thất thoát dịch - Khử trùng bằng khí E.O nên không độc, không gây sốt. -Không bị gãy, không bị cùn trong điều kiện bình thường. -Liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường: chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim.	Cái	250,000
120	MHH1756	VTTH	Bơm kim tiêm 1 ml 1/2	Nhóm 6			- Dung tích bơm tiêm 1cc, kim 29Gx1/2"Insulin - Chất liệu thép không rỉ có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Piston có độ đàn hồi tốt, bám sát lòng trong thân bơm tiêm, không quá chặt gây khó khăn khi thao tác, cũng không bị lỏng làm thất thoát dịch - Khử trùng bằng khí E.O nên không độc, không gây sốt. -Không bị gãy, không bị cùn trong điều kiện bình thường. -Liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường: chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim.	Cái	500,000
121	MHH252	VTTH	Bơm kim tiêm 20 ml	Nhóm 6			- Dung tích bơm tiêm 20cc, kim 23Gx1" - Chất liệu thép không rỉ có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Khử trùng bằng khí E.O nên không độc, không gây sốt. -Không bị gãy, không bị cùn trong điều kiện bình thường. -Bề mặt kim tiêm sử dụng 1 lần Vinahankook nhẵn, bóng không có tạp chất khi nhìn bằng mắt thường. -Liên kết giữa đốc kim và thân kim trong điều kiện sử dụng bình thường: chắc chắn, không bị bẻ gãy, thân kim không bị tuột khỏi đốc kim.	Cái	16,000
122	MHH1758	VTTH	Ống máu Serum 5mL	Nhóm 6			- Ống nhựa PP 5mL (12x75mm) trung tính, nắp màu đỏ, có chứa hạt poly styrene hình bi hoặc hình khối bên trong.	Cái	150,000
123	MHH1759	VTTH	Ống máu EDTA nắp cao su 5mL	Nhóm 6			- Ống nhựa PP 5mL (12x75mm) trung tính, nhãn màu xanh dương có kẻ sọc, nắp cao su có phủ bọc nhựa màu xanh nước biển, có chứa chất kháng đông EDTA (Ethylenediaminetetra acetic acid).	Cái	48,000
124	MHH1760	VTTH	Ống máu Serum 5mL nắp màu đen	Nhóm 6			- Ống nhựa PP 5mL (12x75mm) trung tính, nắp màu đen, có chứa hạt poly styrene hình bi hoặc hình khối bên trong.	Cái	90,000
125	MHH1761	VTTH	Ống máu Serum 5mL nắp màu trắng	Nhóm 6			- Ống nhựa PP 5mL (12x75mm) trung tính, nắp màu đen, có chứa hạt poly styrene hình bi hoặc hình khối bên trong.	Cái	107,500
126	MHH1762	VTTH	Ống máu citate 5mL	Nhóm 6			Ống nhựa PP 5mL (12x75mm) trung tính, nắp màu xanh dương, có chứa chất chống đông K2/K3 EDTA (Ethylenediaminetetra acetic acid)	Cái	48,000
127	MHH1763	VTTH	Ống máu EDTA 5mL	Nhóm 6			Ống nhựa PP 5mL (12x75mm) trung tính, nhãn màu xanh dương có kẻ sọc, nắp cao su có phủ bọc nhựa màu xanh nước biển, có chứa chất kháng đông EDTA (Ethylenediaminetetra acid).	Cái	28,800
128	MHH260	VTTH	Lọ nhựa PS 50ml	Nhóm 6			- Nhựa PS trắng trong (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) có nắp - Dung tích 50 ml	Cái	28,800
129	MHH1674	VTTH	Lọ đựng phân không chất bảo quản 50 ml	Nhóm 6			- Nhựa PS trắng trong (nhựa trung tính, tinh khiết 100%) nắp màu vàng có thia lấy phân bên trong - Dung tích 50 ml - Không có chất bảo quản	Cái	8,000
130	MHH1673	VTTH	Lọ nhựa PS 50ml vô trùng	Nhóm 6			- Nhựa PS trắng trong (nhựa trung tính, tinh khiết 100%), có nắp, vô trùng từng cái - Dung tích 50 ml	Cái	2,000

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
131	MHH1764	VTTH	Ống máu Sodium Flouride+EDTA 2ml nắp xám	Nhóm 6			Ống nhựa PP 5mL trung tính, nắp nhựa màu xám có kẻ sọc, có chứa chất kháng đông Flouride+EDTA	Cái	1,200
132	MHH1765	VTTH	Ống máu EDTA 7mL	Nhóm 6			- Ống nhựa PP 9mL trung tính, nắp cao su màu tím có kẻ sọc, có chứa chất kháng đông EDTA (Ethylenediaminetetra acid), hút chân không Đựng trong ống nhựa Chất liệu: Ống nhựa PP, nắp nhựa HDPE, đầu bóng, que nhựa (gỗ) - Kích thước: ống 12*150mm - Độ dày: 0.2mm - Sức chứa của mẫu vật: 0.15ml - - Tiệt trùng: công nghệ EO - Thời gian sử dụng: 3 năm - Chứng chỉ: ISO13485, CE hoặc tương đương	Cái	70
133	MHH1662	VTTH	Que gòn lấy mẫu tiệt trùng từng cái	Nhóm 6			Làm bằng 100% bông tự nhiên. Trong phòng thí nghiệm: sử dụng để lấy mẫu thí nghiệm, nuôi cấy vi khuẩn, tiệt trùng, 5 que/gói 1 que/ống, tiệt trùng, vỏ khuôn cán kẽm lấy dịch niệu đạo, kích thước 12x85 mm	Que	1,000
134	MHH1111	VTTH	Que gòn lấy mẫu cán nhựa	Nhóm 6			Làm bằng 100% bông tự nhiên. Trong phòng thí nghiệm: sử dụng để lấy mẫu thí nghiệm, nuôi cấy vi khuẩn, tiệt trùng, 5 que/gói	Que	500
135	MHH1663	VTTH	Que lấy mẫu niệu đạo (nam)	Nhóm 6			1 que/ống, tiệt trùng, vỏ khuôn cán kẽm lấy dịch niệu đạo, kích thước 12x85 mm	Que	500
136	MHH1260	VTTH	Khẩu trang y tế 4 lớp	Nhóm 6			Cấu tạo gồm 4 lớp: + Lớp 1: Một lớp vải không dệt mềm thoáng khí. + Lớp 2: Lớp lọc ở giữa: Một màng, có khả năng lọc và ngăn chặn ít nhất 90% bụi và vi khuẩn không khí. Lớp vải lọc khí không thấm nước, thoáng khí, không dính da. + Lớp 3: Lớp lọc kháng khuẩn, có tác dụng ngăn khói bụi, khí độc, vi khuẩn xâm nhập, phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm lây qua đường hô hấp. Sử dụng hiệu quả khi lưu thông trên đường hay làm việc trong các bệnh viện, tiếp xúc với môi trường công nghiệp hiện đại. + Lớp 4: Vải không dệt được làm bằng Polypropylene sợi tổng hợp ép lại với nhau để tạo thành một lớp vải. Độ bền cao, độ đàn hồi tốt. Đạt tiêu chuẩn TCVN hoặc tương đương	Cái	40,000
137	MHH259	VTTH	Găng tay cao su có bột	Nhóm 6			Có bột, hàm lượng bột lớn nhất 10mg/dm ² . - Chiều dài ≥ 240mm Size: XS, S, M, L. Giao theo yêu cầu khi đặt hàng	Đôi	125,000
138	MHH259	VTTH	Găng tay cao su có bột	Nhóm 6			Có bột, hàm lượng bột lớn nhất 10mg/dm ² . - Chiều dài ≥ 240mm Size: XS, S, M, L. Giao theo yêu cầu khi đặt hàng	Đôi	160,000
139	MHH1766	VTTH	Băng cá nhân 20x60 mm	Nhóm 6			Sợi vải đàn hồi, thành phần: sợi Viscose có phủ lớp chống dính polyethylene hoặc chất khác và polyamide phủ keo oxid kẽm hoặc chất khác đảm bảo lực dính tối thiểu 2,2N/cm	cái	400,000
140	MHH1767	VTTH	Băng keo lụa 1,25x5 m	Nhóm 6			Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi phủ đều, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m ² , lực dính 1,8-5,5 N/cm, có kiểm tra vi sinh	Cuộn	500
141	MHH1768	VTTH	Băng cuộn y tế	Nhóm 6			Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Tốc độ hút nước < 5s. 10cmx5m	Cuộn	500
142	MHH1769	VTTH	Gạc Y Tế Tiệt Trùng	Nhóm 6			Kích thước: 5x6.5cm Được làm từ 100% sợi cotton. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. Mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da. Thân thiện môi trường, gạc trắng và sạch.	Miếng	50,000
143	MHH1755	VTTH	Que đè lưỡi gỗ	Nhóm 6			Dùng để khám miệng, lưỡi, họng Chỉ sử dụng 1 lần Kích thước: 150 x 20 (± 2) x 2 (± 0.2)mm	Que	500
144	MHH1770	VTTH	Dây garo	Nhóm 6			Sử dụng trong việc thắt mạch để lấy máu Được làm từ sợi cotton se tròn kết hợp với sợi cao su thiên nhiên	Cái	360
145	MHH1771	VTTH	Lancet lấy máu	Nhóm 6			Thân kim nhỏ, đầu nhọn sắc để lấy máu dễ dàng. Kim được tiệt trùng 100%.	Cái	4,000
146	MHH1685	VTTH	Bông y tế cắt miếng 3cmx3cm	Nhóm 6			Bông y tế cắt miếng 3cmx3cm	kg	1,300
147	MHH1772	VTTH	Hộp đựng vật sắc nhọn y tế 6.8 l	Nhóm 6			Phạm vi áp dụng: chuyên dùng để chứa đựng các loại rác thải y tế, vật sắc nhọn nguy hại, túi, lọ đựng bệnh phẩm,.... Thê tích: 6,8 lít (≥ 360 gram) Màu sắc: Màu vàng đựng chất thải lây nhiễm. Chất liệu: Nhựa cứng Sản phẩm đảm bảo đúng tiêu chuẩn sử dụng theo thông tư Số 58/2015/TTLT-BYT BTNMT ngày 31/12/2015 thông tư liên tịch quy định về quản lý chất thải y tế về việc ban hành quy chế quản lý chất thải y tế và Hướng dẫn tiêm An toàn theo Quyết định 3671/QĐ-BYT ban hành ngày 29/7/2012 về việc phê duyệt các hướng dẫn kiểm soát nhiễm khuẩn áp dụng trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	Cái	7,000

TT	Mã QLHH	LOẠI HÀNG HÓA	TÊN DANH MỤC	Phân nhóm	PHƯƠNG PHÁP/NGUYÊN LÝ XÉT NGHIỆM	LOẠI XÉT NGHIỆM	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐVT	SỐ LƯỢNG
148	MHH1773	VTTH	Mô vệt nhựa khám phụ khoa	Nhóm 6			Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao	Cái	1,400
149	MHH531	VTTH	Đầu côn xanh 1000 µl không lọc	Không phân nhóm			Đầu côn xanh 1000ul không lọc - Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào. - Không chứa kim loại nặng. - Thích ứng với nhiều loại pipette. - Trên các tip có những vạch chia độ. - Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu. - Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường.	Cái	20,000
150	MHH938	VTTH	Đầu côn không lọc có khóa 200 ul	Không phân nhóm			Chất liệu nhựa Polypropylene. Không chứa DNAase, RNAase, DNA người, Pyrogene, chất ức chế PCR, nội độc tố và độc tố tế bào. - Không chứa kim loại nặng. - Thích ứng với nhiều loại pipette. - Trên các tip có những vạch chia độ. - Độ lưu giữ thấp giúp thu hồi tối đa mẫu. - Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường	Cái	50,000
151	MHH460	VTTH	Tube eppendorff 1.5mL có nắp	Không phân nhóm			* Chưa tiệt trùng * Nắp bật, có vạch chia thể tích * Thể tích làm việc: 1.5ml * Vật liệu: polypropylene không chứa kim loại nặng * Không chứa DNase/RNase, DNA người và chất gây sốt * Chịu được ăn mòn hóa chất và nhiệt độ (tối thiểu - 80oC) * Chịu được lực ly tâm tối đa 18.000 vòng/phút	Cái	50
152	MHH1620	VTTH	Lame dùng cho kính hiển vi 25.4x76.2 mm	Nhóm 6			Lam kính kích thước: 25.4 x 76.2mm Độ dày: 1 – 1.2 mm Vật liệu: thủy tinh borosilicate, class 1	Cái	3,960
153	MHH258	VTTH	Tube nhựa pha loãng 5mL	Nhóm 6			Không nắp	Bịch	30
154	MHH1774	VTTH	Dây truyền dịch	Nhóm 6			Chất liệu: nhựa y tế có độ trong suốt để quan sát, thành trong dây trơn nhẵn, đồng nhất. Có bầu đếm giọt 20 giọt/ml	Bộ	6
155	MHH1775	VTTH	Dây thở oxy	Nhóm 6			Dây dẫn chiều dài ≥2m được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP	Cái	6
156	MHH1624	VTTH	Gòn y tế thấm nước	Nhóm 6			Màu: Trắng Được làm từ 100% bông xơ tự nhiên nhưng sợi bông không có khả năng thấm nước.	Kg	1
157	MHH1776	HCSP	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt (55x18 mm)	Nhóm 6			Chiều dài: 55 m, chiều rộng 18 mm Băng keo được thiết kế có độ co giãn tốt cũng như chịu nhiệt độ cao trong suốt quá trình tiệt trùng. Sau tiệt trùng, các vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu khác.	Cuộn	1
158	MHH1777	HCSP	Băng keo chỉ thị nhiệt hấp ướt (1,25cm x 50m)	Nhóm 6			Chiều rộng: 1,25cm, chiều dài 50m Băng keo được thiết kế có độ co giãn tốt cũng như chịu nhiệt độ cao trong suốt quá trình tiệt trùng. Sau tiệt trùng, các vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu khác.	Cuộn	1
159	MHH1778	HCSP	Chỉ thị hóa học tiệt trùng hơi nước	Nhóm 6			Nhằm kiểm tra xác định các điều kiện tiệt khuẩn có đạt hay không. Dùng cho chu trình tiệt khuẩn 121 độ C và 132 độ C - 134 độ C. Được thiết kế với vạch mực chạy hiển thị kết quả ngay trên sản phẩm. Công nghệ vạch mực chạy ngay trên bề mặt test để nhận biết với kết quả "Đạt" hoặc "Loại bỏ".	Que	500
160	MHH45	HCSP	Javel 10%	Nhóm 6			Javel 100% Dung dịch Natri hypochloride 8% ~ 11%, trong suốt, màu vàng nhạt, mùi hắc. Bảo quản mát, tránh ánh sáng trực tiếp	lít	170
161	MHH152	HCSP	Môi trường thạch đĩa Tryptic soy (TSA)	Nhóm 6			Hộp/ petri 9mm Tryptone Soya Agar	Đĩa	2,500
162	MHH193	HCSP	Nước cất pha tiêm	Nhóm 6			Nước vô khuẩn dùng để hòa tan hóa chất dạng bột - Dung dịch trong suốt, không màu, không có các tiểu phân treo lơ lửng	Chai	300
163	MHH1779	HCSP	Nước cất 1 lần	Nhóm 6			Nước cất 1 lần	Lít	10
164	MHH70	HCSP	Dung dịch cồn 70 độ	Nhóm 6			Cồn dùng trong lĩnh vực y tế Ethanol 70% Diệt khuẩn Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Mycobacterium tuberculosis và nấm Candida albicans sau thời gian tiếp xúc 2 phút. Diệt khuẩn dụng cụ y tế, bề mặt trong y tế.	Lít	3,200